

Thứ ba, ngày 18 tháng 5 năm 2021

Vietnam Daily Review

Tiếp tục điều chỉnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 19/5/2021		•	
Tuần 17/5-21/5/2021		•	
Tháng 5/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex chủ yếu giằng co quanh mốc tham chiếu trong phiên sáng nhưng áp lực bán gia tăng trong phiên chiều đã khiến chỉ số giảm về gần ngưỡng hỗ trợ 1250. Dòng tiền đầu tư không thay đổi nhiều với chỉ 6/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường duy trì trạng thái tiêu cực với thanh khoản suy giảm so với phiên trước. Theo đánh giá của chúng tôi, lực cầu có thể xuất hiện tại khu vực quanh 1250 và giúp chỉ số bật tăng trở lại trong những phiên tiếp theo.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 18/5/2021, cả chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm nhẹ.

Phân tích kỹ thuật: FLC_Tích lũy (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-6.02** điểm, đóng cửa **1252.68**. HNX-Index **-2.15** điểm, đóng cửa **294.64**.
- Kéo chỉ số tăng: **HPG (+1.36)**; **MSN (+0.58)**; **NVL (+0.56)**; **STB (+0.53)**; **TCB (+0.42)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-2.47)**; **VHM (-1.56)**; **VCB (-1.27)**; **BID (-0.94)**; **GVR (-0.57)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **19,814** tỷ đồng, **-4.64%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 21,011 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 13.2 điểm. Thị trường có **143** mã tăng, 46 mã tham chiếu và **274** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-550.08** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VIC (-111.6 tỷ)**, **VPB (-101.8 tỷ)** và **VNM (-81.8 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-82.6** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1252.68**
Giá trị: 19814.57 tỷ **-6.02 (-0.48%)**
Khối ngoại (ròng): -550.08 tỷ

HNX-INDEX **294.64**
Giá trị: 2917.46 tỷ **-2.15 (-0.72%)**
Khối ngoại (ròng): -82.6 tỷ

UPCOM-INDEX **80.06**
Giá trị: 783 tỷ **-0.36 (-0.45%)**
Khối ngoại(ròng): 5.82 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	66.8	0.75%
Giá vàng	1,869	0.13%
Tỷ giá USD/VND	23,044	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	28,153	0.49%
Tỷ giá JPY/VND	21,163	0.32%
LS liên NH 1 tháng	1.3%	11.93%
LS TPCP 5 năm	1.2%	-1.25%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
STB	27.9	VIC	-111.6
DHC	24.2	VPB	-101.8
HSG	22.6	VNM	-81.8
LPB	13.4	VCB	-54.2
GMD	10.7	GAS	-49.9
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 18/5

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	66.41	0.21%	1.73%	5.10%	84.78%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	69.62	0.23%	1.56%	5.02%	69.23%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	215.95	0.06%	0.92%	5.72%	89.21%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1869.05	0.12%	1.72%	5.21%	8.77%		PNJ
Bạc	USD/ounce	28.29	0.43%	2.42%	8.95%	62.87%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1596.75	0.58%	-1.11%	12.25%	87.30%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	706.00	0.89%	-4.82%	7.79%	35.25%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.95	0.16%	-0.26%	-0.58%	16.26%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	226.24	0.28%	-2.63%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	16.99	0.18%	-2.86%	4.17%	52.79%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	145.75	0.52%	-1.55%	8.20%	28.41%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	10373.00	1.29%	-0.09%	14.31%	95.07%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	876.36	0.41%	-6.73%	13.30%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	934.60	-0.12%	-6.91%	14.28%			
Nhôm	USD/ton	2499.00	1.46%	-1.26%	7.55%	67.05%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	191.87	3.74%	-5.11%	23.65%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	94.85	-2.97%	0.69%	9.65%	49.61%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Giá dầu tăng hơn 1% bởi nền kinh tế Châu Âu mở cửa trở lại và nhu cầu của Mỹ đang tăng, sau khi giá giảm trước đó bởi số ca nhiễm virus corona tăng vọt ở Châu Á và số liệu sản xuất của Trung Quốc không ấn tượng.

Giá vàng

• Giá vàng tăng lên mức cao nhất trong hơn 3 tháng do các nhà đầu tư thận trọng khi lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ vẫn giảm thậm chí giá cổ phiếu giảm do lo lắng về lạm phát.
• Vàng giao ngay tăng 1,3% lên 1.866,84 USD/ounce sau khi đạt mức cao nhất kể từ ngày 1/2 tại 1.868,26 USD. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 6 đóng cửa tăng 1,6% lên 1.867,6 USD/ounce.

Giá sắt thép

• Thép xây dựng và thép cuộn cán nóng của Trung Quốc giảm phiên thứ 3 liên tiếp sau khi giá thép tăng vọt lên mức cao lịch sử trong tuần trước và khiến các cơ quan quản lý tăng cường kiểm tra.
• Thép thanh giao tháng 10 trên sàn giao dịch Thượng Hải đóng cửa giảm 2,9% xuống 5.596 CNY (869,32 USD)/tấn.
• Thép cuộn cán nóng sử dụng trong lĩnh vực sản xuất giảm 5,1% xuống 5.949 CNY/tấn. Mức đóng cửa cao kỷ lục tại 6.683 CNY/tấn vào ngày 12/5.

Giá cao su

• Hợp đồng cao su giao tháng 10 trên sàn giao dịch Osaka đóng cửa tăng 4,2 JPY hay 1,7% lên 246,2 JPY (2,3 USD)/kg sau khi tăng lên mức cao 248,5 JPY.
• Giá bán buôn trong tháng 4 tại Nhật Bản, nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới, tăng ở tốc độ nhanh nhất trong 6,5 năm, do chi phí năng lượng và hàng hóa tăng mặc dù lạm phát giá tiêu dùng vẫn giảm.

Giá nông sản

• Cà phê arabica kỳ hạn tháng 7 đóng cửa tăng 0,75 US cent lên 1,4575 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 7 giảm 1 USD xuống 1.459 USD/tấn.
• Các đại lý cho biết nguồn cung đang khan hiếm, sản lượng cà phê arabica của Brazil có thể giảm trong năm nay và tình trạng thiếu hụt container tại quốc gia Nam Mỹ này đã khiến xuất khẩu chậm lại.
• Đường thô kỳ hạn tháng 7 đóng cửa tăng 0,03 US cent lên 16,99 US cent/lb, thị trường này có một số hỗ trợ sau khi giảm mạnh cuối tuần trước. Đường trắng kỳ hạn tháng 8 giảm 0,6 USD xuống 453 USD/tấn.

	18/5	% 18/5	17/5	% 17/5	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1252.68	-0.48%	1258.70	-0.60%	-0.27%	0.35%
S&P 500			4163.29	-0.25%	-0.60%	-0.17%
HĐTL S&P500	4172.75	0.36%	4157.80	-0.27%	0.64%	-0.09%
Shang- hai	3529.01	0.32%	3517.62	0.78%	2.53%	3.90%
Euro Stoxx	4029.27	0.56%	4006.84	-0.26%	2.11%	-0.09%

Phân tích kỹ thuật

FLC_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Ổ trên giá trị 50.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: FLC đang ở trạng thái tích lũy trung hạn tại khu vực 11-13 trong hơn 1 tháng trở lại đây. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây vẫn giữ giá trị ổn định. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Chỉ báo động lượng RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua đồng thời đường MACD vừa cắt lên trên đường tín hiệu nên cổ phiếu tiềm năng sẽ thiết lập đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của FLC nằm tại khu vực xung quanh 11. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 14, cắt lỗ nếu ngưỡng 10 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

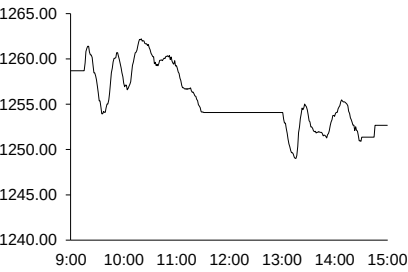
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	2.85%
Tài nguyên Cơ bản	2.26%
Công nghệ Thông tin	1.34%
Dầu khí	0.93%
Bán lẻ	0.20%
Thực phẩm và đồ uống	0.04%
Viễn thông	0.00%
Dịch vụ tài chính	-0.29%
Xây dựng và Vật liệu	-0.34%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.41%
Bảo hiểm	-0.46%
Ngân hàng	-0.50%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.65%
Y tế	-0.68%
Du lịch và Giải trí	-0.70%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.80%
Bất động sản	-1.22%
Ô tô và phụ tùng	-1.27%
Hóa chất	-1.67%

Hình 1

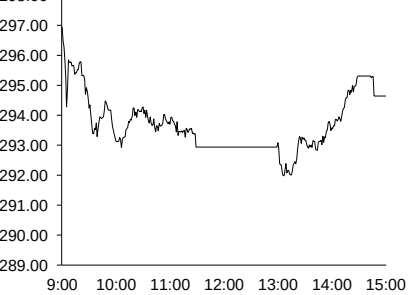
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

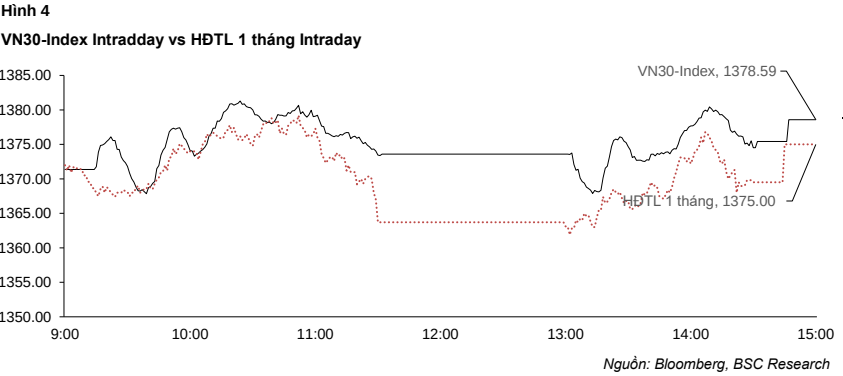
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
5/17/2021	VSC	51	57	48	50.8	1	-0.39%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/14/2021	SHS	30.1	33.5	26.8	30.1	4	0.00%	Có thể tiếp tục mua
5/13/2021	ANV	23.05	28.5	21.8	24.1	5	4.56%	Có thể tiếp tục mua
5/12/2021	SSI	34.8	43.5	32.7	35.25	6	1.29%	Có thể tiếp tục mua
5/10/2021	HCM	33.2	40.64	30.27	34.5	8	3.92%	Có thể tiếp tục mua
5/7/2021	TPB	29.1	36.5	27.5	32.1	11	10.31%	Có thể tiếp tục mua
5/6/2021	MBB	31.6	39	28.2	33.3	12	5.38%	Có thể tiếp tục mua
5/5/2021	HDB	29.05	33.3	25.3	30.6	13	5.34%	Có thể tiếp tục mua
5/4/2021	HLD	32	35.5	28.2	32.8	14	2.50%	Có thể tiếp tục mua
4/29/2021	NLG	35.9	41	33.65	36	19	0.28%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/28/2021	PAC	35.5	39.5	30.5	35.5	20	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/9/2021	FPT	82.1	96	72.5	87	39	5.97%	Có thể tiếp tục mua
2/22/2021	BCG	14.2	19.5	11.8	12.5	85	-11.97%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:			(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
5/11/2021	MBS	25.7	35	22.5	SL	6	-12.45%
4/27/2021	VIX	35.05	41.5	30	SL	8	-14.41%
4/26/2021	DRI	10	12	9.5	SL	3	-5.00%
4/23/2021	LHG	36	39.8	34.2	SL	6	-5.00%
4/22/2021	HII	22	24.2	21.4	TP	6	10.00%
4/20/2021	HAX	24.15	28	21	TP	20	15.94%
4/19/2021	BMI	29.15	32.5	27	SL	7	-7.38%
4/16/2021	HPG	54.6	61	52	TP	21	11.72%
4/15/2021	NKG	25.35	30.5	22	TP	25	20.32%
4/14/2021	MSR	22.6	23.9	21	SL	8	-7.08%
4/13/2021	MSN	94.2	98.2	89.1	TP	3	4.25%
4/12/2021	TCB	42.15	46.5	38	TP	24	10.32%
4/8/2021	TNG	24.9	27.8	21.3	SL	14	-14.46%
4/7/2021	VRE	35.4	39	33.5	SL	9	-5.37%
4/6/2021	ANV	23.8	26.5	21.7	SL	14	-8.82%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	11	2	3.59%	-6.18%	2.09%	18
Cổ phiếu đã chốt	138	83	13.34%	-8.11%	5.28%	28

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2105	1375.00	0.59%	-3.59	12.0%	211,694	5/20/2021	4
VN30F2106	1368.00	0.56%	-10.59	89.2%	3,581	6/17/2021	32
VN30F2109	1359.90	0.29%	-18.69	-79.1%	123	9/16/2021	123
VN30F2112	1359.90	0.29%	-18.69	-25.0%	120	12/16/2021	214

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +7.23 điểm, lên 1378.59 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, STB, VPB, NVL, TCB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 1370-1380 điểm. VN30 có thể tiếp tục vận động tích lũy trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2108	8/12/2021	86	5:1	917,500	33.27%	1,200	6,680	14.78%	1,331	5.02	67,868	61,868	63,400
CSTB2104	8/27/2021	101	1:1	248,800	42.75%	4,000	13,000	14.04%	5,322	2.44	26,900	22,900	27,300
CHPG2107	8/12/2021	86	5:1	510,600	33.27%	1,300	7,330	13.29%	1,342	5.46	65,868	59,368	63,400
CSTB2103	8/9/2021	83	2:1	514,000	42.75%	1,400	9,100	8.33%	4,761	1.91	20,800	18,000	27,300
CSTB2014	6/14/2021	27	1:1	265,400	42.75%	3,800	15,200	7.80%	15,342	0.99	15,800	12,000	27,300
CSTB2010	6/11/2021	24	2:1	475,900	42.75%	1,100	7,660	7.43%	7,669	1.00	14,199	11,999	27,300
CMBB2101	7/6/2021	49	2:1	499,800	33.06%	1,600	9,000	7.40%	3,744	2.40	29,200	26,000	33,300
CTCB2103	8/9/2021	83	2:1	334,500	35.53%	2,900	11,200	4.67%	6,655	1.68	41,300	35,500	48,350
CHPG2106	8/27/2021	101	2:1	431,500	33.27%	4,100	14,510	4.39%	7,104	2.04	58,400	50,200	63,400
CHPG2105	8/9/2021	83	2:1	295,800	33.27%	3,000	16,300	3.82%	10,930	1.49	48,000	42,000	63,400
CTCB2012	7/30/2021	73	1:1	207,600	35.53%	5,400	27,050	3.24%	26,558	1.02	27,400	22,000	48,350
CNVL2003	6/11/2021	24	10:1	1,066,200	29.94%	1,000	7,690	2.53%	7,792	0.99	73,979	63,979	141,700
CMNS2103	8/13/2021	87	6:1	334,700	39.11%	3,000	10,200	2.51%	3,273	3.12	106,000	88,000	105,100
CTCB2102	7/6/2021	49	2:1	385,600	35.53%	2,300	9,400	1.08%	6,299	1.49	57,200	48,000	48,350
CMBB2010	6/14/2021	27	1:1	291,200	33.06%	4,600	17,300	0.76%	17,356	1.00	20,600	16,000	33,300
CVPB2015	7/30/2021	73	1:1	957,900	36.94%	5,600	40,400	-1.03%	41,446	0.97	31,600	26,000	67,200
CMWG2104	3/22/2022	308	10:1	563,200	28.91%	2,400	10,500	-2.78%	2,112	4.97	159,000	135,000	141,700
CVPB2103	8/9/2021	83	2:1	547,900	36.94%	2,700	16,300	-3.21%	15,546	1.05	41,900	36,500	67,200
CVPB2104	8/27/2021	101	3:1	280,400	36.94%	2,500	12,350	-7.14%	6,348	1.95	56,500	49,000	67,200
Tổng				9,128,500	36.08%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
				**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 18/5/2021, cả chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm nhẹ.
- CHPG2108 và CSTB2104 tăng mạnh lần lượt là 14.78% và 14.04%. Trái lại, CVHM2103 và CMWG2103 giảm mạnh lần lượt là -10.71% và -10.58%. Giá trị giao dịch giảm -4.05%. CVPB2015 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 19.06% thị trường.
- CVPB2015, CSTB2007, CVPB2102, CNVL2003, và CSTB2014 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CSTB2101, và CNVL2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CHPG2020, và CTCB2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	141.7	0.1%	1.0	2,929	3.7	9,051	15.7	3.9	49.0%	27.2%
PNJ	Bán lẻ	93.5	-0.5%	1.0	924	1.1	4,974	18.8	3.7	49.0%	21.0%
BVH	Bảo hiểm	54.0	-1.1%	1.5	1,743	1.6	2,548	21.2	2.0	27.4%	9.5%
PVI	Bảo hiểm	33.0	-0.6%	0.5	321	0.0	3,809	8.7	1.0	54.3%	12.2%
VIC	Bất động sản	121.0	-2.4%	0.7	17,795	13.2	2,174	55.6	5.1	14.6%	9.0%
VRE	Bất động sản	30.0	-2.3%	1.1	2,964	8.3	1,175	25.5	2.3	29.8%	9.3%
VHM	Bất động sản	98.9	-1.9%	1.1	14,145	15.1	7,874	12.6	3.6	22.5%	33.6%
DXG	Bất động sản	23.2	-3.3%	1.3	522	8.8	(61)		1.8	33.7%	-0.5%
SSI	Chứng khoán	35.3	-0.6%	1.5	990	17.8	2,776	12.7	2.0	45.9%	16.2%
VCI	Chứng khoán	72.0	-1.4%	1.0	521	6.6	5,703	12.6	2.4	21.9%	22.1%
HCM	Chứng khoán	34.5	-0.3%	1.5	458	9.3	2,462	14.0	2.2	47.9%	16.4%
FPT	Công nghệ	87.0	1.5%	0.9	2,985	8.1	4,718	18.4	4.1	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	76.5	0.7%	0.4	910	0.0	5,165	14.8	4.4	#####	30.0%
GAS	Dầu khí	82.0	-0.6%	1.3	6,824	3.9	3,946	20.8	3.1	2.5%	14.9%
PLX	Dầu khí	54.0	0.0%	1.5	2,920	5.6	2,915	18.5	2.9	15.8%	16.8%
PVS	Dầu khí	21.8	3.8%	1.6	453	7.0	1,375	15.9	0.8	8.7%	5.4%
BSR	Dầu khí	15.5	1.3%	0.8	2,089	9.0	(909)	N/A N/A	1.5	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	96.0	0.0%	0.4	546	0.0	5,647	17.0	3.3	54.6%	20.2%
DPM	Hóa chất	18.6	-1.3%	0.7	316	0.4	1,928	9.6	0.9	14.7%	9.4%
DCM	Hóa chất	16.6	-3.2%	0.6	382	1.3	1,122	14.8	1.4	3.3%	9.4%
VCB	Ngân hàng	94.6	-1.5%	1.1	15,255	8.7	5,709	16.6	3.5	23.4%	22.8%
BID	Ngân hàng	40.9	-2.2%	1.3	7,152	7.0	2,048	20.0	2.1	16.7%	10.6%
CTG	Ngân hàng	46.6	-0.4%	1.3	7,536	35.7	4,765	9.8	1.9	25.7%	20.9%
VPB	Ngân hàng	67.2	2.1%	1.2	7,172	87.5	4,626	14.5	2.9	22.1%	22.5%
MBB	Ngân hàng	33.3	1.2%	1.2	4,052	33.0	3,612	9.2	1.8	23.0%	21.6%
ACB	Ngân hàng	36.3	-0.8%	1.0	3,407	12.4	3,992	9.1	2.1	30.0%	25.6%
BMP	Nhựa	57.7	0.9%	0.7	205	0.2	6,160	9.4	2.0	81.7%	20.3%
NTP	Nhựa	37.5	4.7%	0.5	192	0.6	3,988	9.4	1.6	19.4%	17.8%
MSR	Tài nguyên	19.3	-1.0%	0.7	922	0.3	39	494.9	1.5	10.1%	0.3%
HPG	Thép	63.4	2.4%	1.1	9,133	107.7	5,476	11.6	3.2	29.7%	31.3%
HSG	Thép	38.5	2.5%	1.3	743	25.7	5,262	7.3	2.1	8.6%	34.2%
VNM	Tiêu dùng	87.0	-0.2%	0.7	7,905	11.3	4,682	18.6	5.8	55.0%	31.9%
SAB	Tiêu dùng	154.0	-0.3%	0.8	4,294	1.7	7,561	20.4	5.0	62.9%	26.7%
MSN	Tiêu dùng	105.1	0.9%	1.0	5,368	13.8	1,281	82.0	7.6	32.8%	5.1%
SBT	Tiêu dùng	19.9	1.5%	1.2	534	1.6	1,131	17.6	1.5	8.6%	8.7%
ACV	Vận tải	69.8	0.1%	0.8	6,607	0.8	577	121.0	4.0	3.4%	3.4%
VJC	Vận tải	113.0	-0.9%	1.1	2,661	1.9	2,256		4.0	18.9%	8.3%
HVN	Vận tải	27.1	-0.9%	1.7	1,671	0.7	(9,327)		26.7	9.2%	-155.4%
GMD	Vận tải	37.8	0.8%	1.0	495	6.2	1,246	30.3	1.9	39.7%	6.2%
PVT	Vận tải	16.4	0.3%	1.3	230	1.6	2,281	7.2	1.1	12.8%	15.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	89.9	0.2%	1.0	625	1.1	8,479	10.6	3.4	4.0%	39.2%
VGC	Vật liệu xây dựng	32.9	-0.3%	0.4	641	0.1	1,604	20.5	2.2	6.4%	10.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.4	-1.0%	0.9	255	0.7	1,566	9.8	1.1	3.0%	11.0%
CTD	Xây dựng	54.5	-2.7%	1.0	176	1.5	3,352	16.3	0.5	44.7%	3.0%
CII	Xây dựng	19.8	-2.7%	0.5	205	1.5	56	355.0	1.0	29.5%	0.2%
REE	Điện	55.5	0.5%	-1.4	746	1.3	5,770	9.6	1.4	49.0%	16.3%
PC1	Điện	25.0	-0.2%	-0.4	208	0.3	2,371	10.5	1.2	11.3%	13.2%
POW	Điện	12.0	-1.2%	0.6	1,222	5.2	1,037	11.6	1.0	3.4%	8.6%
NT2	Điện	19.9	-0.7%	0.5	249	0.2	1,872	10.6	1.4	15.3%	12.8%
KBC	Khu công nghiệp	32.3	-4.4%	1.0	660	14.0	1,639	19.7	1.5	20.0%	7.8%
BCM	Khu công nghiệp	54.0	0%	0.9	2,430	0.1			3.4	2.0%	

BSC

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HPG	63.40	2.42	1.32	39.15MLN
NVL	141.70	2.98	1.17	1.30MLN
VPB	67.20	2.13	0.92	30.65MLN
STB	27.30	5.20	0.68	44.75MLN
TCB	48.35	1.04	0.47	16.91MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-2.70	2.45MLN	1.11MLN
VHM	0.00	-1.69	3.46MLN	607060
VCB	0.00	-1.38	2.10MLN	373600
BID	0.00	-0.96	3.90MLN	192700
VIB	0.00	-0.71	2.19MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BMI	31.50	6.96	0.05	2.52MLN
AGM	29.35	6.92	0.01	479900
VPG	37.20	6.90	0.03	1.05MLN
ADS	17.10	6.88	0.01	1.05MLN
DXV	5.45	6.86	0.00	22200

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CIG	6.47	-6.91	0.00	15800
TGG	5.27	-6.89	0.00	866200
VID	10.85	-6.87	-0.01	46000.00
RDP	8.48	-6.81	-0.01	4500
CMV	15.25	-6.73	0.00	900

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	21.80	3.81	0.27	7.52MLN
IDC	34.60	2.67	0.21	2.89MLN
MBS	23.20	7.41	0.12	4.27MLN
NTP	37.50	4.75	0.09	376800.00
VND	41.10	0.74	0.07	6.01MLN

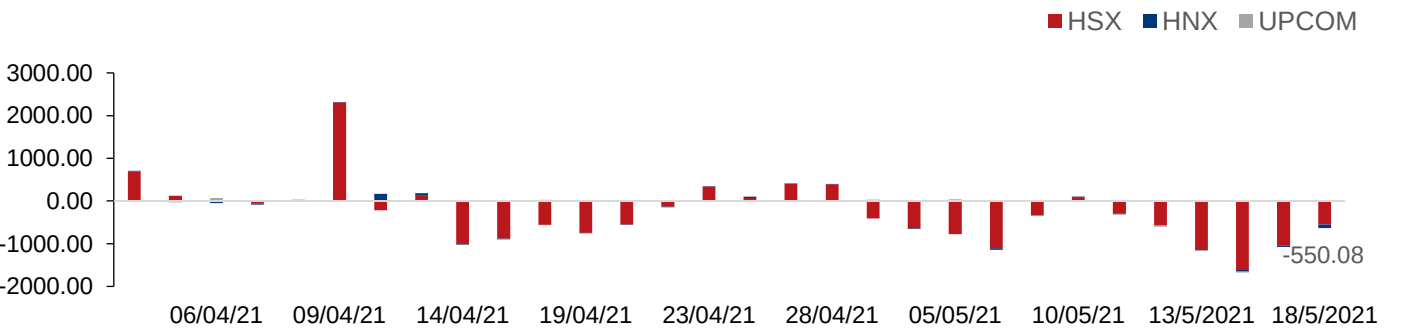
Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	29.30	-1.35	-0.88	24.26MLN
THD	192.60	-0.98	-0.71	1.26MLN
NVB	17.20	-3.91	-0.41	5.62MLN
BAB	25.20	-1.18	-0.27	29500
HUT	5.80	-3.33	-0.07	2.64MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ALT	13.40	9.8	0.00	100
THS	42.70	9.8	0.01	4000
HHG	4.50	9.8	0.02	919000
PDC	6.80	9.7	0.00	9500
LDP	9.40	9.3	0.00	39000.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VDL	17.60	-9.74	-0.01	100
SDU	8.60	-9.47	0.00	6000
GDW	23.70	-9.20	-0.01	1400
L43	5.20	-8.77	0.00	4700
QHD	32.60	-8.43	-0.02	100

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	15.2	1,400	10.8	0.9	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	36.3	3,992	9.1	2.1	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	69.8	577	121.0	4.0	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	27.1	3,834	7.1	1.2	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	46.6	4,765	9.8	1.9	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	53.9	13,880	3.9	1.2	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	66.6	5,505	12.1	2.7	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	134.1	7,653	17.5	4.6	Click
10	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	18.6	1,928	9.6	0.9	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	26.2	2,379	11.0	1.8	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	9/3/21	22.5	30.2	23.2	-61		1.8	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	87.0	4,718	18.4	4.1	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	37.8	1,246	30.3	1.9	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	40.7	7,082	5.7	1.9	Click
16	HPG	VLXD	Mua	26/2/21	45.4	55.6	63.4	5,476	11.6	3.2	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	38.5	5,262	7.3	2.1	Click
18	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	15.4	1,566	9.8	1.1	Click
19	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	32.3	1,639	19.7	1.5	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	36.0	2,140	16.8	2.4	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	23.0			1.6	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	34.9	3,258	10.7	1.3	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	105.1	1,281	82.0	7.6	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	141.7	9,051	15.7	3.9	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	23/2/21	25.0	34.6	36.0	4,008	9.0	1.6	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	51.0	7,080	7.2	2.2	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	24.3	2,120	11.5	1.5	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	93.5	4,974	18.8	3.7	Click
30	POW	Điện	Mua	16/11/20	10.0	12.0	12.0	1,037	11.6	1.0	Click
31	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	20.8	0	135.3	0.6	Click
32	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	21.8	1,375	15.9	0.8	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	154.0	7,561	20.4	5.0	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	19.9	1,131	17.6	1.5	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	48.4	4,074	11.9	2.2	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	94.6	5,709	16.6	3.5	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	41.2	4,166	9.9	2.2	Click
41	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	14.7	570	25.8	1.2	Click
42	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	38.0	3,837	9.9	1.3	Click
43	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	87.0	4,682	18.6	5.8	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	98.9	7,874	12.6	3.6	Click
45	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	24.8	1,091	22.7	2.1	Click
46	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	9.8	600	16.3	0.9	Click
47	GE2	Điện	Mua	20/1/20		25.5					Click
48	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
48	SCS	Hàng Không	Theo dõi	4/1/20	128.5	140.0	129.8	9,476	13.7	6.1	Click
49	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	67.2	4,626	14.5	2.9	Click
50	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	30.0	1,175	25.5	2.3	Click
51	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	84.4	4,060	20.8	5.8	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
3	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
4	Banking Sector Outlook		x	Click
5	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
7	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
8	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
9	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
10	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
12	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
13	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
14	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
15	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
17	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
18	Fishery Outlook 2021		x	Click
19	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
20	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
21	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
22	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
23	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
24	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
25	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
28	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
30	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
32	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
33	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
35	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
36	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
37	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
38	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
40	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express AGG 2021Q1	1/4/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 34380 Kế hoạch 2021: Dự kiến doanh thu chủ yếu đến từ (i) mảng bán căn hộ - tiến hành bàn giao các dự án River Panorama 1 & 2, Sky89, The Sóng và The Standard; (ii) Ngoài ra, dự kiến dự án West gate sẽ hỗ trợ doanh thu mảng tư vấn và môi giới trong 2021. Khuyến nghị NĂM GIỮ ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish
Express ELC 2021Q1	23/3/21	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2021. doanh thu ~ 800 tỷ (không bao gồm các dự án liên quan đến gói ITS cao tốc), tỷ suất lợi nhuận cải thiện. Sau năm 2021: Doanh thu trên 1,000 tỷ ELC dự kiến Q3.2021 đấu thầu gói ITS của đường cao tốc, 2021 đấu thầu 3 – 4 gói ITS nội đô ở tỉnh. Có 500 tỷ doanh thu từ 2020 chuyển sang (tỷ trọng các mảng cân bằng) Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 55600 ; Giá tại Publish 45350
HPG 2021Q1	26/2/21	Cập nhật KQKD: BSC dự báo doanh thu 2021 của HPG đạt 116,437 tỷ đồng (+29.2% YoY), LNST 18,981 tỷ đồng (+41.2% YoY, +35% so với dự báo gần nhất của chúng tôi), tương đương EPS = 5,526 đồng/CP (giả định trích quỹ khen thưởng phúc lợi 5%).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639